TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
1	Võ Thị Ngọc	ẩn	12117001	15/10/94	03	WS501	2.50	
2	Nguyễn Thị Thúy	An	12123098	04/01/94	03	WS502	2.50	
3	Trịnh Duy	An	12149564	10/10/94	03	WS503	6.00	x
4	Chử Hoàng Duy	Anh	12114122	09/07/94	03	WS504	5.50	x
5	Dưu Ngọc Vân	Anh	12125095	17/05/94	03	WS505	4.30	
6	Hoàng Quỳnh	Anh	12120319	04/01/94	03	WS506	3.00	
7	Đặng Hải	Anh	12113091	13/01/93	03	WS508	7.80	x
8	Đào Phương	Anh	12122293	28/07/94	03	WS509	5.80	x
9	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	13122004	02/01/95	03	WS510	1.90	
10	Nguyễn Thị	Anh	13122005	10/06/95	03	WS512	6.40	x
11	Nguyễn Thị	Anh	12145302	26/08/94	03	WS511	4.30	
12	Nguyễn Thị Vân	Anh	10155049	10/03/92	03	WS513	0.00	
13	Phạm Thị Bảo	Anh	12120581	11/09/94	03	WS515	3.00	
14	Phạm Trần Hồng	Anh	11148037	03/08/93	03	WS516	4.30	
15	Trần Thị Kim	Anh	12126325	16/12/94	03	WS517	6.50	x
16	Vũ Quỳnh	Anh	10148010	11/03/92	03	WS518	5.00	x
17	Nguyễn Ngọc	ánh	13113011	10/10/95	03	WS519	3.90	
18	Trương Thị Ngọc	ánh	13122008	25/08/95	03	WS520	2.50	
19	Lê Phối	Bách	12111316	08/01/94	03	WS521	5.00	x
20	Nguyễn Tấn	Bảo	12120498	04/06/94	03	WS522	2.00	
21	ừng Thế	Bảo	11172036	22/01/93	03	WS523	2.00	
22	Phan Ngọc	Bích	13113307	16/08/93	03	WS525	0.00	
23	Nguyễn Phúc	Cảnh	11155011	12/06/92	03	WS526	2.50	
24	Lê Phương Quế	Chi	13122013	15/05/95	03	WS527	2.50	
25	Trương Mỹ	Chi	12116159	21/03/93	03	WS528	1.50	
26	Trần Thị Hồng	Chiêu	13122244	10/04/95	03	WS529	5.80	x
27	Trần Thị	Chinh	12126327	08/02/94	03	WS530	8.00	x
28	Đồng Thị	Chung	12120580	14/05/94	03	WS531	4.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
29	Ngô Minh	Công	12117035	01/01/90	03	WS532	6.00	x
30	Nguyễn Minh	Cường	12116034	10/10/93	03	WS534	5.00	x
31	Nguyễn Thanh	Cường	12116035	12/09/94	03	WS535	0.80	
32	Nguyễn Xuân	Cường	11139039	20/02/93	03	WS536	2.80	
33	Vương Thị Kim	Cúc	10161006	07/07/92	03	WS537	0.00	
34	Phạm Thúy	Dâng	12120546	10/09/93	03	WS538	6.80	x
35	Nguyễn Thị Thu	Diễm	12145280	20/09/94	03	WS539	3.00	
36	Nguyễn Thị Trúc	Diễm	12126312	12/01/94	03	WS540	3.80	
37	Nguyễn Thúy	Diễm	13121023	12/04/95	03	WS601	5.00	x
38	Trương Thị Lệ	Diễm	12363259	02/02/94	03	WS602	2.30	
39	Nguyễn Hồ Mỹ	Diệp	13155072	18/02/95	03	WS603	2.00	
40	Nguyễn Thị Tuyết	Diệu	13122248	28/10/95	03	WS604	4.30	
41	Lê Thị Thùy	Dương	12113117	30/03/94	03	WS605	6.30	x
42	Lương Tầm	Dương	12125010	02/05/94	03	WS606	3.50	
43	Cao Thị Phương	Dung	13155073	23/08/94	03	WS607	3.00	
44	Đào Thị Thanh	Dung	13363030	14/12/95	03	WS608	4.00	
45	Phạm Thị	Dung	13123022	20/10/94	03	WS611	0.00	
46	Phạm Thị Bảo	Dung	12122084	15/07/94	03	WS612	7.40	x
47	Nguyễn Thị	Dũng	12126386	05/07/94	03	WS613	3.50	
48	Nguyễn Tiến	Dũng	12113336	18/05/90	03	WS614	0.30	
49	Trương Văn	Dũng	11336090	30/08/93	03	WS616	3.50	
50	Nguyễn Bảo	Duy	11112269	21/08/93	03	WS619	6.00	x
51	Nguyễn Khánh	Duy	12139163	22/12/94	03	WS620	4.00	
52	Nguyễn Thanh	Duy	12116234	16/03/93	03	WS621	5.00	x
53	Tăng Triều	Duy	12125404	05/09/94	03	WS622	7.80	x
54	Trần Hữu	Duy	12122115	08/11/92	03	WS623	1.90	
55	Lê Thị Mỹ	Duyên	11363003	10/11/93	03	WS624	3.00	
56	Mai Nguyễn Phẩm	Duyên	12120184	01/07/94	03	WS625	1.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
57	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	12111097	10/05/94	03	WS626	3.80	
58	Phan Bích	Duyên	12122117	06/11/93	03	WS627	6.00	x
59	Nguyễn Thị Hồng	Giàu	12123018	11/11/94	03	WS629	7.00	x
60	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	12116284	08/09/92	03	WS630	4.40	
61	Dương Thu	Hằng	12120252	16/04/94	03	WS631	6.30	x
62	Lê Thị	Hằng	11142050	22/12/93	03	WS632	7.80	x
63	Ngô Thị	Hằng	12363162	25/03/93	03	WS634	7.30	x
64	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	12116299	26/11/94	03	WS635	2.50	
65	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	12139005	15/10/94	03	WS636	2.30	
66	Trần Thị Thúy	Hằng	12363246	18/02/94	03	WS617	7.50	x
67	Văn Thị Thanh	Hằng	13363077	20/04/94	03	WS637	2.00	
68	Đinh Thị Mỹ	Hạnh	12123118	04/07/94	03	WS639	2.00	
69	Thân Thị	Hạnh	12423045	02/06/90	03	WS618	2.00	
70	Nguyễn Thị	Hà	12116208	18/04/94	03	WS640	6.50	x
71	Lê Long	Hải	12145009	10/08/94	03	WS701	0.50	
72	Thái Thị Như	Hảo	13122043	24/10/95	03	WS703	1.00	
73	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	12123122	26/01/94	03	WS704	4.80	
74	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	11142009	24/04/93	03	WS705	1.00	
75	Trần Thị Thảo	Hiền	11112095	07/10/93	03	WS706	6.80	x
76	Kim Quốc	Hiển	12155073	12/02/91	03	WS707	3.00	
77	Nguyễn Xuân	Hiếu	12111330	04/11/94	03	WS708	5.00	x
78	Nguyễn Thị	Hoa	10125214	10/10/92	03	WS710	2.50	
79	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	13363090	28/02/95	03	WS711	0.50	
80	Đỗ Kim	Hoa	12123022	02/02/94	03	WS712	4.50	
81	Lê Phú	Hội	11126124	03/03/93	03	WS702	1.50	
82	Phan Thị Thanh	Hồng	10148083	06/08/92	03	WS715	1.00	
83	Lê Hữu	Hoà	12139026	07/08/94	03	WS716	4.00	
84	Nguyễn Kiều	Hoài	11142144	28/09/93	03	WS717	4.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
85	Hà Huy	Hoàng	11147016	13/12/93	03	WS718	1.80	
86	Nguyễn Như	Hoàng	12120258	12/12/93	03	WS719	2.00	
87	Hoàng Văn	Hưng	12116056	06/09/94	03	WS720	4.00	
88	Phan Hoàng	Hưng	12336057	02/03/94	03	WS721	0.00	
89	Trần Duy	Hưng	10161054	11/03/92	03	WS722	1.80	
90	Lương Khánh	Hòa	12126161	03/01/94	03	WS723	5.00	x
91	Nguyễn Thị	Hòa	11146005	27/06/93	03	WS724	6.80	x
92	Đặng Thị	Hương	13123057	13/12/95	03	WS725	7.00	x
93	Nguyễn Thị	Hương	13123059	18/10/95	03	WS727	5.50	x
94	Nguyễn Thị	Hương	12116343	25/04/94	03	WS726	7.30	x
95	Nguyễn Thị Diễm	Hương	11112262	19/10/93	03	WS728	0.50	
96	Trịnh Thị	Hương	13122064	19/07/95	03	WS729	3.80	
97	Võ Thị Diễm	Hương	12120507	04/09/94	03	WS730	3.30	
98	Nguyễn Thu	Hường	13122304	18/04/95	03	WS731	3.00	
99	Lê Thị	Huệ	12126031	16/10/94	03	WS732	5.30	x
100	Nguyễn Thị	Huệ	12114206	18/07/94	03	WS733	3.00	
101	Dương Ngọc	Hùng	12336131	16/10/92	03	WS734	3.30	
102	Long Thanh	Hùng	12139007	10/02/94	03	WS735	6.50	x
103	Đinh Quốc	Hùng	12139139	04/07/94	03	WS737	5.50	x
104	Nguyễn Công	Huy	12111100	25/04/94	03	WS738	5.10	x
105	Thân Văn	Huy	12126165	28/12/94	03	WS739	4.40	
106	Bùi Thị	Huyền	12120189	19/11/94	03	WS740	3.80	
107	Nguyễn Kim	Huyền	12120585	26/05/94	03	WS714	0.30	
108	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	13122061	15/10/95	03	WS713	2.50	
109	Thông Thị Ngọc	Huyền	12123128	01/09/94	03	WS801	2.00	
110	Thạch Sóc	Kha	12116217	02/09/93	03	WS802	2.00	
111	Phan Hồ Tái	Khang	11142023	18/03/93	03	WS803	5.50	x
112	Kiều Hoàng	Khải	12113024	02/09/94	03	WS804	7.30	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
113	Chu Nhựt	Khánh	12125192	25/03/94	03	WS805	5.50	x
114	Phạm	Khánh	12111046	04/03/93	03	WS825	2.50	
115	Ngô Hữu	Khiêm	12120080	24/08/93	03	WS808	7.90	x
116	Lê Đăng	Khoa	12145246	22/09/94	03	WS809	4.00	
117	Đặng Thị	Kiền	13122069	09/07/93	03	WS811	3.00	
118	Trịnh Đăng	Kiên	12113027	17/12/93	03	WS812	2.50	
119	Nguyễn Cao	Kiệt	12113163	04/08/94	03	WS813	2.50	
120	Nhan Thanh	Kiệt	12116267	21/09/94	03	WS814	7.10	x
121	Lâm Thị Thúy	Kiều	12116256	16/03/94	03	WS815	5.50	x
122	Lê Thị	Kiều	13155139	26/06/95	03	WS816	2.90	
123	Lê Thị Thanh	Kiều	12112285	08/10/94	03	WS817	5.30	x
124	Trần Thị Thu	Kiều	13120253	21/05/95	03	WS818	4.40	
125	Nguyễn Cảnh	Lâm	13114076	27/08/95	03	WS819	0.80	
126	Nguyễn Thanh	Lâm	11141102	25/04/93	03	WS820	1.30	
127	Trương Thị	Lân	13123065	10/08/94	03	WS821	4.30	
128	Lê Thị Phương	Lam	12114013	05/02/94	03	WS822	6.30	x
129	Lê Thị	Lan	12126096	20/11/94	03	WS823	4.40	
130	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	12126390	26/04/94	03	WS824	8.30	x
131	Trương Thị Thanh	Lan	11142065	20/03/93	03	WS827	3.50	
132	Trương Thị Thanh	Lan	12114296	20/03/94	03	WS826	9.00	x
133	Huỳnh Thị	Lành	12120473	23/04/94	03	WS828	0.80	
134	Lâm Cao Thùy	Lê	12114298	05/08/94	03	WS829	5.50	x
135	Lê Thanh	Liêm	10112084	24/10/92	03	WS830	2.80	
136	Nguyễn Thanh	Liêm	12145014	24/04/94	03	WS831	7.50	x
137	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	10363059	01/11/92	03	WS832	6.50	x
138	Nguyễn Văn	Liết	12117008	20/10/94	03	WS833	3.50	
139	Hoàng Thị	Liễu	10336029	19/07/92	03	WS834	0.50	
140	Bùi Huệ Đức Mỹ	Linh	12120493	31/10/94	03	WS835	3.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
141	Huỳnh Đức	Linh	13155014	18/03/95	03	WS836	1.10	
142	Lê Thị Mộng	Linh	12120191	26/02/94	03	WS837	0.00	
143	Lê Thị Ngọc	Linh	12125210	23/04/94	03	WS838	9.30	x
144	Nguyễn Khánh	Linh	08160088	06/09/90	03	WS839	1.00	
145	Nguyễn Lê Khánh	Linh	12139010	25/02/94	03	WS840	4.40	
146	Nguyễn Đình	Linh	12113173	28/08/94	03	WS807	3.00	
147	Nguyễn Tuấn	Linh	11111082	02/02/93	03	WS806	1.80	
148	Trịnh Thị	Linh	12117009	06/10/94	03	WS902	6.50	x
149	Trương Thị Thảo	Linh	11141116	18/12/93	03	WS903	3.90	
150	Bùi Tuấn	Lộc	11150048	02/09/93	03	WS904	10.00	x
151	Ngô Thành	Lộc	12122087	23/04/93	03	WS905	2.00	
152	Nguyễn Hữu	Lộc	13122323	04/05/94	03	WS906	1.00	
153	Mai Thị Kim	Loan	12155128	09/03/91	03	WS907	3.00	
154	Nguyễn Thị Kiều	Loan	12120626	26/12/94	03	WS908	8.30	x
155	Nguyễn Thị Thanh	Loan	12122168	14/04/93	03	WS909	3.00	
156	Phạm Thị Kiều	Loan	12126316	09/07/94	03	WS910	7.00	x
157	Lê Thành	Long	11145104	25/04/93	03	WS913	0.00	
158	Nguyễn Vũ Bảo	Long	12155070	29/11/90	03	WS914	3.30	
159	Vũ Ngọc	Long	11114033	20/11/93	03	WS915	1.00	
160	Nguyễn Thị	Lưu	12125089	10/05/94	03	WS917	1.00	
161	Lê Thị Khánh	Ly	11142068	10/07/93	03	WS918	4.60	
162	Đoàn Hữu	Lý	13111311	19/10/95	03	WS919	2.50	
163	Phan Thị	Mây	11172115	28/01/93	03	WS920	2.80	
164	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	13114415	09/05/95	03	WS921	3.00	
165	Nguyễn Thị Phương	Mai	12122174	13/07/93	03	WS922	6.50	x
166	Đinh Thị Ngọc	Mai	12155058	25/09/94	03	WS923	5.50	x
167	Nguyễn Văn	Mạnh	12145288	14/11/93	03	WS924	9.00	x
168	Lê Xuân	Mến	11336135	04/11/93	03	WS925	1.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
169	Trần Hoài	Minh	12113188	22/12/94	03	WS927	6.00	x
170	Nguyễn Thị Thúy	Mơ	13155165	10/12/95	03	WS929	6.50	x
171	Lê Thị Trà	My	12116350	11/05/94	03	WS930	0.80	
172	Lương Thị Quỳnh	My	12120595	14/07/94	03	WS931	0.00	
173	Phạm Phùng Tiểu	My	12120098	28/02/94	03	WS932	4.00	
174	Trương Thị My	My	12120594	02/12/94	03	WS933	2.00	
175	Chung Ngọc	Mỹ	11125257	02/10/93	03	WS934	4.60	
176	Trương Văn	Mỹ	10111027	06/09/91	03	WS935	3.00	
177	Trần Văn	Đại	12145051	18/09/93	03	WS936	1.80	
178	Đặng Hoàng	Đạo	11142135	17/01/93	03	WS937	1.50	
179	Dương Quốc	Đạt	11111044	01/08/88	03	WS938	1.50	
180	Lê Hoài	Nam	12117195	14/01/94	03	WS911	4.30	
181	Nguyễn Phương	Nam	12126191	09/03/94	03	WS912	4.10	
182	Phạm Thành	Nam	12122080	29/03/93	03	WS1001	0.50	
183	Trần Hoàng	Nam	12139075	22/01/94	03	WS1002	3.00	
184	Huỳnh Thị Anh	Đào	12126129	03/12/94	03	WS1003	6.50	x
185	Trần Thị	Đào	12155040	10/03/93	03	WS1004	1.80	
186	Phan Thị Yến	Nên	13363169	06/04/95	03	WS1005	4.00	
187	Nguyễn Văn	Đến	11126095	19/07/92	03	WS1006	0.00	
188	Hoàng Thị	Nga	13123079	14/07/94	03	WS1007	8.50	x
189	Nguyễn Huỳnh Bạch	Nga	12123148	10/09/94	03	WS1008	3.50	
190	Vi Thị	Nga	12139011	12/02/94	03	WS1009	2.50	
191	Hoàng Kim	Ngân	12363058	26/01/94	03	WS1010	2.80	
192	Lê Thị Diệu	Ngân	12120194	14/02/94	03	WS1011	4.00	
193	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngân	12117013	15/07/94	03	WS1013	4.00	
194	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12117090	22/04/94	03	WS1014	2.30	
195	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12123225	03/04/94	03	WS1015	2.50	
196	Trần Hữu	Nghị	13113137	29/08/95	03	WS1017	3.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
197	Lưu Trọng	Nghĩa	12125238	23/07/94	03	WS1018	1.90	
198	Lê Bảo	Ngọc	11142076	17/10/93	03	WS1019	5.00	x
199	Lê Thị Bích	Ngọc	10363016	26/01/92	03	WS1020	1.00	
200	Lê Thị Thanh	Ngọc	12120459	10/10/94	03	WS1021	1.50	
201	Đặng Lê Thu	Ngọc	11142152	22/12/93	03	WS1022	2.50	
202	Nguyễn Thị	Ngọc	12113198	02/07/94	03	WS1023	1.00	
203	Nguyễn Thị Như	Ngọc	13363184	30/09/95	03	WS1024	5.50	x
204	Đỗ Lương Như	Ngọc	12120362	10/10/94	03	WS1025	5.00	x
205	Trần Thị Tuyết	Ngọc	12363092	24/10/94	03	WS1026	1.80	
206	Võ Hồ Minh	Ngọc	12113041	06/02/94	03	WS1027	6.50	x
207	Huỳnh Thị Kim	Nguyên	12114167	06/06/94	03	WS1028	1.10	
208	Lê Thị	Nguyên	12120195	06/08/94	03	WS1029	3.80	
209	Lê Trần	Nguyên	12114081	13/08/94	03	WS1030	8.10	x
210	Nguyễn Hạ	Nguyên	12125030	18/11/94	03	WS1032	7.30	x
211	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	13122110	09/06/95	03	WS1033	3.00	
212	Đinh Thái	Nguyên	12125246	07/11/94	03	WS1035	2.50	
213	Phạm Sĩ	Nguyên	12145019	11/05/94	03	WS1036	2.00	
214	Phạm Thị Thảo	Nguyên	12122186	23/11/94	03	WS1037	3.30	
215	Hồ Thị Tuyết	Nguyệt	12122304	20/02/94	03	WS1038	5.00	x
216	Nguyễn Hữu	Nhân	12114200	12/01/94	03	WS1040	6.00	x
217	Võ Công	Nhân	12122192	23/04/94	03	WS1016	2.00	
218	Võ Tú	Nhân	12116385	20/03/94	03	WS1012	4.50	
219	Trần Mộng	Nhất	10336131	01/10/92	04	WS501	6.30	x
220	Kha Minh	Nhật	11143082	09/09/93	04	WS502	3.50	
221	Nguyễn Ngọc	Nhã	12116087	25/03/93	04	WS503	0.50	
222	Lê Thanh	Nhàn	12116336	30/11/94	04	WS504	2.50	
223	Phạm Thị Thanh	Nhàn	12120338	05/03/94	04	WS506	4.40	
224	Thị	Nhành	12120221	19/09/92	04	WS507	5.50	x

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
225	Võ Thị Yến	Nhi	13155194	14/03/95	04	WS509	1.30	
226	Lâm Thừa	Nhiệm	12116090	10/07/94	04	WS510	7.50	x
227	Huỳnh Thị Thảo	Như	11120111	28/10/92	04	WS511	0.50	
228	Lê Thảo	Như	12116373	14/05/94	04	WS512	6.50	x
229	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	13122118	28/12/94	04	WS513	1.50	
230	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12139081	12/07/94	04	WS514	5.50	x
231	Cao Minh	Nhựt	12125271	30/01/94	04	WS515	6.00	x
232	Bùi Thị	Nhung	13123105	25/10/95	04	WS516	2.30	
233	Nguyễn Thị	Nhung	11363051	28/03/93	04	WS517	3.30	
234	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	12126051	12/07/94	04	WS518	1.00	
235	Trần Thị Hồng	Nhung	13111355	08/01/95	04	WS519	1.80	
236	Triệu Thị	Nhung	12125035	24/01/94	04	WS520	1.00	
237	Trương Thị Hồng	Nhung	13123109	21/03/95	04	WS521	6.80	x
238	Truyện Thị Ngọc	Điệp	13116036	30/12/95	04	WS524	6.50	x
239	Lưu Xuân	Đình	11141109	20/06/91	04	WS525	2.00	
240	Lưu Thị Thanh	Nữ	12113216	27/10/94	04	WS528	3.50	
241	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	11122131	01/02/93	04	WS529	1.50	
242	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	13155200	01/08/92	04	WS530	6.00	x
243	Nguyễn Thị	Nở	12120199	20/09/93	04	WS531	5.00	x
244	Nguyễn Thị Hoa	Nở	12423087	16/11/87	04	WS532	3.00	
245	Ngô Phương	Đức	11125226	13/10/93	04	WS534	0.00	
246	Nguyễn Anh	Đức	11171025	04/08/93	04	WS535	2.80	
247	Trương Trần	Nyn	12116186	06/06/92	04	WS536	5.50	x
248	Nguyễn Thị Kim	Oanh	13123113	17/10/94	04	WS537	1.00	
249	Thái Thị	Oanh	12120460	20/01/94	04	WS538	5.00	x
250	Trần Thị Kiều	Oanh	12126212	15/02/94	04	WS539	7.00	x
251	Đỗ Thị Hồng	Phã	12116315	06/07/94	04	WS540	3.30	
252	Trương Trần Minh	Phát	11114003	25/01/93	04	WS522	1.50	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
253	Đàng Tấn	Phiên	12125038	21/06/94	04	WS601	1.30	
254	Châu Thanh	Phong	12126052	17/05/94	04	WS602	2.50	
255	Nguyễn Thị	Phượng	12116102	03/04/94	04	WS603	9.00	x
256	Phạm Hồng	Phượng	13363238	12/06/95	04	WS605	1.30	
257	Huỳnh Thanh	Phương	12116100	29/01/94	04	WS606	1.00	
258	Lê Thị Trúc	Phương	13155218	25/02/94	04	WS607	1.10	
259	Đặng Hà	Phương	12111234	02/11/94	04	WS608	5.00	x
260	Ngô Thị Uyên	Phương	11142088	05/07/93	04	WS609	4.10	
261	Nguyễn Duy	Phương	12145062	19/01/94	04	WS610	5.50	x
262	Nguyễn Thị ánh	Phương	13120346	08/02/95	04	WS611	5.00	x
263	Nguyễn Thị Mai	Phương	13123123	04/04/95	04	WS612	3.00	
264	Văn Thị Ngọc	Phương	13111385	13/12/95	04	WS614	4.00	
265	Vũ Minh	Phương	12113229	10/12/94	04	WS615	4.30	
266	Võ Duy	Phúc	12116355	25/06/94	04	WS618	3.00	
267	Đinh Trần Minh	Quân	10112145	13/04/91	04	WS619	2.30	
268	Võ Minh	Quân	12116105	26/10/94	04	WS620	3.00	
269	Đoàn Văn	Quả	12116023	18/03/94	04	WS622	1.50	
270	Nguyễn Lệ	Quyên	12120451	01/01/94	04	WS624	2.50	
271	Nguyễn Thái Kim	Quyên	12145031	30/12/93	04	WS625	1.30	
272	Phan Thị Thanh	Quỳnh	12114151	30/08/94	04	WS628	2.00	
273	Đàng Phú Nữ	Saman	12123281	20/03/93	04	WS630	2.00	
274	Phan Thanh	Sang	11112303	16/09/93	04	WS631	4.10	
275	Võ Văn	Son	11142093	22/02/93	04	WS632	2.00	
276	Hồ Sỹ	Song	12114106	29/09/94	04	WS633	2.80	
277	Lê Thái	Sỏi	12336020	05/02/92	04	WS634	4.50	
278	Dương Thị Thanh	Tâm	12120217	18/01/93	04	WS635	4.50	
279	Trần Thị Thanh	Tâm	12120488	02/01/94	04	WS636	0.50	
280	Lê Huỳnh Nhật	Tân	12111067	08/08/94	04	WS637	1.80	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
281	Phan Nguyễn Nhựt	Tân	12120285	01/05/94	04	WS638	4.00	
282	Võ Thanh	Tân	13122146	09/10/95	04	WS639	8.30	x
283	Lương Anh	Tài	12114216	15/08/93	04	WS640	7.00	x
284	Lưu Đức	Tài	12126063	25/06/93	04	WS627	2.30	
285	Dương Ngọc	Thật	12116126	05/03/94	04	WS702	1.00	
286	Nguyễn Thị	Thắm	12116360	11/08/94	04	WS703	6.50	x
287	Hoàng	Thắng	12126367	01/02/93	04	WS704	3.50	
288	Trần Đình	Thắng	12113266	16/10/94	04	WS705	1.80	
289	Trần Quốc	Thắng	12111095	08/09/94	04	WS706	3.00	
290	Huỳnh Thị Hồng	Thanh	12123255	04/04/94	04	WS707	3.00	
291	Nguyễn Chí	Thanh	12139151	22/03/94	04	WS708	3.00	
292	Nguyễn Thanh	Thanh	13155235	08/05/95	04	WS709	0.30	
293	Trần Thị	Thanh	12120321	03/07/94	04	WS711	3.80	
294	Trần Thị	Thanh	12125048	09/03/94	04	WS710	1.80	
295	Dương Thị	Thảo	12126244	01/09/94	04	WS712	8.50	x
296	Lường Thanh	Thảo	11120014	20/08/93	04	WS713	3.30	
297	Đặng Nguyễn Hồng	Thảo	11112360	17/04/93	04	WS714	5.50	x
298	Nguyễn Hoàng Thanh	Thảo	11172162	27/05/93	04	WS715	6.00	x
299	Nguyễn Phương	Thảo	12116359	02/10/93	04	WS716	3.00	
300	Nguyễn Thị	Thảo	12116195	15/06/94	04	WS717	3.00	
301	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	10112167	05/01/92	04	WS718	1.00	
302	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12423137	15/12/89	04	WS719	2.30	
303	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12120432	24/10/94	04	WS720	3.50	
304	Trần Thị Thu	Thảo	12113056	06/02/94	04	WS723	6.50	x
305	Lê Duy	Thiện	12116196	13/08/94	04	WS725	5.30	x
306	Đỗ Thị Bảo	Thơ	12123288	02/09/94	04	WS726	1.00	
307	Nguyễn Thị Anh	Thư	12122236	01/03/94	04	WS727	4.40	
308	Trần Đào Thanh	Thư	12111110	12/02/94	04	WS728	2.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
309	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12111107	09/10/94	04	WS729	1.30	
310	Hồ Phước	Thọ	13113213	19/12/95	04	WS731	8.50	x
311	Nguyễn Văn	Thon	12117182	17/05/94	04	WS733	0.30	
312	Dương Khánh	Thịnh	13114514	19/10/95	04	WS734	2.50	
313	Ngô Văn	Thịnh	12145197	02/09/94	04	WS735	0.80	
314	Hà Thị	Thương	12117123	15/01/94	04	WS736	1.50	
315	Hồ Thị	Thương	13122406	13/03/94	04	WS737	6.80	x
316	Huỳnh Văn	Thương	12111111	01/01/94	04	WS738	3.50	
317	Nguyễn Thị Minh	Thương	12122237	08/03/94	04	WS739	5.30	x
318	Trần Thị Hoài	Thương	13363310	03/01/95	04	WS740	4.50	
319	Đào Ngọc	Thỏa	12113368	20/10/88	04	WS701	2.00	
320	Lê Thị Cẩm	Thu	13363282	19/11/95	04	WS801	4.50	
321	Nguyễn Thị Mỹ	Thu	13363286	10/05/95	04	WS802	5.50	x
322	Hồ Thanh	Thuận	13114145	06/02/95	04	WS803	2.30	
323	Lê Văn	Thuận	12111206	08/05/93	04	WS804	4.00	
324	Trần Ngọc Linh	Thùy	12126260	29/01/94	04	WS805	8.30	x
325	Trịnh Thị Thanh	Thúy	12116316	24/10/93	04	WS807	1.00	
326	Phạm Thị Như	Thủy	12120563	06/06/94	04	WS808	4.00	
327	Trần Thị Thái	Thủy	12120382	20/12/93	04	WS809	1.50	
328	Trần Thị Xuân	Thủy	12120136	21/09/94	04	WS810	3.80	
329	Trương Thị Thanh	Thủy	11157062	08/07/93	04	WS811	5.00	x
330	Lê Thị	Thuý	12123175	15/10/94	04	WS813	5.10	x
331	Lê Thị	Thuý	12111016	16/02/94	04	WS812	6.00	x
332	Nguyễn Thị Thu	Thuỷ	12139037	20/06/94	04	WS814	7.50	x
333	Trần Minh	Tiến	11146094	12/06/93	04	WS815	3.80	
334	Nguyễn Trịnh	Tiền	12120251	27/12/93	04	WS816	6.00	x
335	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	12125336	08/02/94	04	WS817	5.50	x
336	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	12113279	05/01/93	04	WS818	3.80	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
337	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	12114250	09/02/94	04	WS819	3.00	
338	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	12363127	19/07/94	04	WS821	2.00	
339	Đỗ Phượng Cẩm	Tiên	12363245	14/08/94	04	WS822	2.50	
340	Hồ Chánh	Tín	12139039	20/05/94	04	WS823	7.30	x
341	Nguyễn Hữu	Tính	12113285	23/11/94	04	WS824	6.50	x
342	Huỳnh Quỳnh Nữ	Tố	13155274	03/03/94	04	WS825	3.10	
343	Dương Bảo	Toàn	12145038	29/08/94	04	WS826	3.30	
344	Đặng Lê Anh	Toàn	12113286	24/05/94	04	WS828	5.50	x
345	Trần Minh	Toàn	12122062	27/03/94	04	WS829	4.30	
346	Hứa Ngọc	Tốt	12336022	04/03/93	04	WS830	4.30	
347	Nguyễn Ngọc	Tốt	12145207	09/01/94	04	WS831	2.00	
348	Nguyễn Thanh	Tới	12114351	05/03/94	04	WS832	1.00	
349	Nguyễn Thị Lưu	Trâm	12123058	15/01/94	04	WS833	2.60	
350	Nguyễn Thị Thu	Trâm	12363198	17/10/93	04	WS834	0.00	
351	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	13363334	10/12/95	04	WS835	2.50	
352	Nguyễn Thùy Thương	Trâm	12120149	30/06/94	04	WS836	8.00	x
353	Phan Võ Bảo	Trâm	12120204	31/05/94	04	WS837	4.00	
354	Trần Thị Thanh	Trâm	12125351	23/11/94	04	WS839	6.80	x
355	Lê Bảo	Trân	11363116	26/04/93	04	WS840	0.50	
356	Nguyễn Hồ Bảo	Trân	12122254	14/11/94	04	WS806	3.80	
357	Huỳnh Đoan	Trang	11336192	23/04/93	04	WS902	1.50	
358	Huỳnh Võ Thảo	Trang	12131072	25/12/94	04	WS903	4.40	
359	Ngô Thị Thu	Trang	13114538	28/01/95	04	WS904	3.00	
360	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Trang	12125344	25/10/94	04	WS905	3.30	
361	Nguyễn Thị Hiền	Trang	13123160	10/05/95	04	WS906	3.50	
362	Nguyễn Thị Kiều	Trang	12120622	28/05/94	04	WS907	1.50	
363	Nguyễn Thị Đài	Trang	12139157	21/03/94	04	WS908	5.50	x
364	Nguyễn Thùy	Trang	12122248	13/02/94	04	WS909	3.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
365	Đỗ Huyền	Trang	12122245	15/01/94	04	WS911	4.60	
366	Trần Huỳnh Yến	Trang	12117128	10/01/94	04	WS914	6.00	x
367	Trần Thị Hiền	Trang	12139040	09/01/94	04	WS915	5.10	x
368	Trần Thị Đoan	Trang	12126274	14/12/94	04	WS916	3.80	
369	Vũ Thị Thùy	Trang	12363136	21/10/94	04	WS917	4.80	
370	Nguyễn Văn	Triển	13114159	20/10/95	04	WS918	1.00	
371	Phan Minh	Triết	10112257	12/11/92	04	WS919	6.50	x
372	Đặng Ngọc	Trinh	12145040	11/04/94	04	WS921	5.50	x
373	Nguyễn Đặng Phương	Trinh	12363304	08/11/94	04	WS922	3.50	
374	Nguyễn Thị Lệ	Trinh	12117133	21/10/94	04	WS923	4.00	
375	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	12155156	08/06/94	04	WS924	3.50	
376	Nguyễn Thị Việt	Trinh	13149436	19/02/95	04	WS925	2.50	
377	Lê Đức	Trọng	12111216	31/01/94	04	WS926	4.10	
378	Lê Quốc	Trọng	12113065	01/11/94	04	WS927	1.50	
379	Phạm Hiếu	Trọng	12116230	28/08/94	04	WS928	3.50	
380	Trương Quốc	Tuấn	13363353	01/01/94	04	WS931	5.00	x
381	Nguyễn Thanh	Tùng	11161118	03/02/93	04	WS932	1.50	
382	Hoàng Minh Cẩm	Tú	12120501	23/04/94	04	WS933	1.50	
383	Lê Thị Cẩm	Tú	13121201	05/09/95	04	WS934	6.80	x
384	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12126292	08/08/94	04	WS935	9.00	x
385	Quãng Minh Khả	Tú	12123198	16/04/94	04	WS936	1.80	
386	Lưu Mộng	Tuyền	12111246	02/01/94	04	WS938	4.30	
387	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	12363202	22/09/94	04	WS939	1.50	
388	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	12120542	14/11/94	04	WS940	3.00	
389	Vũ Thị Thanh	Tuyền	12145073	12/02/94	04	WS920	6.50	x
390	Bùi Thị	Tuyết	12120445	09/02/94	04	WS1001	2.80	
391	Dương Thị	Tuyết	12113304	16/01/93	04	WS1011	3.30	
392	Huỳnh Thị	út	12125424	15/02/94	04	WS1003	3.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN		MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
393	Võ Thị Hồng	út	13121011	07/02/95	04	WS1004	7.00	x
394	Nguyễn Thị Phượng	Uyên	13363364	21/09/95	04	WS1005	4.00	
395	Nguyễn Thị Phương	Uyên	12116326	27/08/93	04	WS1006	3.00	
396	Trần Thị Thu	Uyên	12120160	18/10/94	04	WS1007	3.50	
397	Bùi Thị Hồng	Vân	13120461	16/12/95	04	WS1008	2.00	
398	Huỳnh Thị Mộng	Vân	12126381	08/10/94	04	WS1010	7.80	x
399	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13123183	19/02/95	04	WS1012	6.00	x
400	Phạm Tuyết	Vân	12116321	04/05/94	04	WS1013	4.40	
401	Trần Lê	Vân	12120502	09/05/94	04	WS1014	5.30	x
402	Trịnh Bích	Vân	12120163	01/04/94	04	WS1015	6.00	x
403	Lê Thanh	Vi	12116017	18/11/94	04	WS1016	4.10	
404	Đỗ Lê	Vinh	12114265	10/11/94	04	WS1018	4.30	
405	Huỳnh Thái Nhật	Vũ	12120453	18/12/93	04	WS1021	3.10	
406	Nguyễn Trần Anh	Vũ	11126050	08/10/93	04	WS1022	5.30	x
407	Đặng Thảo	Vy	12125517	05/05/94	04	WS1023	6.50	x
408	Phạm Lê Thúy	Vy	12111313	10/04/94	04	WS1024	3.00	
409	Trần Ngọc Hà	Vy	12113316	03/10/94	04	WS1025	3.30	
410	Lê Thị	Xuân	12116018	02/09/94	04	WS1026	6.00	x
411	Nguyễn Thị Diễm	Xuân	12145226	13/07/94	04	WS1027	5.00	x
412	Nguyễn Thị Diệu	Xuân	13123188	28/11/95	04	WS1028	6.00	x
413	Dương Thị Mỹ	Xuyên	13145241	01/03/95	04	WS1029	7.30	x
414	Ngô Thị Thu	Yến	12126082	06/01/93	04	WS1030	2.50	
415	Nguyễn Thị	Yến	12116158	19/03/93	04	WS1031	0.30	
416	Nguyễn Thị Hải	Yến	12122279	19/05/94	04	WS1032	3.50	
417	Nguyễn Thị Kim	Yến	12122280	05/08/94	04	WS1033	3.80	
418	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	11336223	18/04/93	04	WS1034	5.50	x
419	Nguyễn Thụy Huỳnh	Yến	11112044	26/04/93	04	WS1035	2.30	
420	Trần Thị Kim	Yến	12120602	08/11/92	04	WS1037	4.00	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG

KẾT QUẢ THI TIN HỌC
Đợt thi tháng 06/2016

Môn thi: Excel B

STT	HỌ VÀ TÊN	MÃ SV	NG. SINH	CA	MÁY	ĐIỂM	Đạt
421	Đặng Như ý	13125915	20/10/95	04	WS1039	2.00	
422	Nguyễn Thị Như ý	13123193	06/08/95	04	WS1040	3.50	

TRUNG TÂM TIN HỌC